

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà: Lê Thị Kiều Thu.
2. Ông: Hồ Khắc Tuấn.
- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thái Hà - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 170/2019/TLST- HNGĐ ngày 27/3/2019 “V/v: *Ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2019, quyết định hoãn phiên tòa số 120/2019/QĐST – HNGĐ ngày 06/5/2019 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1976.
Địa chỉ: kp 4, phường PH, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.
- **Bị đơn:** Ông Trần Khương S, sinh năm: 1974.
Địa chỉ: kp 4, phường PH, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.
Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 3 năm 2019, biên bản lấy khai ngày 29/3/2019 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: tôi và ông Trần Khương S tự tìm hiểu chung sống với nhau vào năm 1995 tại phường Phú Hải, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận, có tổ chức cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Chúng tôi chung sống không hạnh phúc ngay từ thời gian đầu do ông S ăn nhậu không có trách nhiệm với gia đình, mặt khác còn có tính trai gái lăng nhăng nhưng vì con còn nhỏ nên tôi cố gắng chịu đựng bỏ qua rất nhiều lần cho ông S nhưng cho đến nay ông S vẫn không thay đổi tính tình vẫn tiếp tục có quan hệ với người khác, khoảng thời gian gần đây tôi phát hiện ông S vẫn có qua lại với người phụ nữ khác nên tôi không bỏ

qua tha thứ cho ông S được nữa, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông S. Do chúng tôi không có đăng ký kết hôn nên yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ giữa tôi và ông S là vợ chồng.

- Về con chung: có 2 con chung

1/ Trần Minh H, sinh năm 1997.

2/ Trần Thị H1, sinh ngày 12/9/2001.

Nay ly hôn, tôi nuôi con nhỏ, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con. Riêng con Trần Minh H, sinh năm 1997 đã trưởng thành và có khả năng lao động.

- Về tài sản chung và nợ chung: tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên Tòa hôm nay bà T trình bày: do chúng tôi không có đăng ký kết hôn nên yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ giữa tôi và ông S là vợ chồng để tôi ổn định cuộc sống.

***/Theo biên bản lấy lời khai ngày 16/4/2019 bị đơn ông Trần Khương S trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: tôi và bà Nguyễn Thị T tự tìm hiểu chung sống với nhau vào năm 1995 tại phường Phú Hải, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận, có tổ chức cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Chúng tôi chung sống vẫn bình thường, nhưng khoảng thời gian gần đây mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do bà T nghi ngờ tôi có quan hệ ngoại tình với người khác nên bà T đã nhiều lần có những lời lẽ hỗn ầu chửi xúc phạm tôi và gia đình tôi, do sống chung không được nên khoảng 1 tháng nay tôi về gia đình ở và vợ chồng không gặp nhau nữa. Nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì tôi đồng ý. Do chúng tôi không có đăng ký kết hôn nên yêu cầu Tòa tuyên bố không công nhận giữa tôi và bà T là vợ chồng.

- Về con chung: có 2 con chung

1/ Trần Minh H, sinh năm 1997.

2/ Trần Thị H1, sinh ngày 12/9/2001.

Nay ly hôn, tôi đồng ý giao con nhỏ cho bà T nuôi, tôi không cấp dưỡng nuôi con. Riêng con Trần Minh H, sinh năm 1997 đã trưởng thành và có khả năng lao động.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên Tòa hôm nay ông S trình bày: yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ giữa ông và bà T là vợ chồng.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận và đối đáp, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký, của những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự, thủ tục do Bộ Luật tố tụng dân sự quy định và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, tuyên bố không công nhận quan hệ giữa bà Nguyễn Thị T và ông Trần Khương S là vợ chồng, về con chung giao cháu Trần Thị H1, sinh ngày 12/9/2001 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, bà T không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con. Ông S được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Riêng con Trần Minh H, sinh năm 1997 đã trưởng thành và có khả năng lao động. Về tài sản chung và nợ chung: ông S, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: thẩm quyền giải quyết vụ án, phía bị đơn ông Trần Khương S có nơi cư trú tại kp 4, phường PH, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ theo quy định tại khoản 01 Điều 28, điểm a khoản 01 Điều 35, điểm a khoản 01 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc “*Ly hôn, nuôi con chung*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

[2] Về nội dung khởi kiện:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị T và ông Trần Khương S tự nguyện tìm hiểu chung sống vào năm 1995 và có hai con chung với nhau, không đăng ký kết hôn. Nay mâu thuẫn phát sinh bà T, ông S yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy bà T, ông S có quá trình chung sống như vợ chồng nhưng không tạo điều kiện đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nay mâu thuẫn phát sinh cả hai ông bà đều có nguyện vọng yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng, do vậy căn cứ vào Điều 9, khoản 01 Điều 14, khoản 02 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để tuyên bố không công nhận quan hệ giữa bà Nguyễn Thị T và ông Trần Khương S là quan hệ vợ chồng là đúng theo quy định pháp luật.

[2.2] Về con chung: có một 02 con chung Trần Minh H, sinh năm 1997 và Trần Thị H1, sinh ngày 12/9/2001. Trong quá trình giải quyết và tại Tòa bà T có nguyện vọng nuôi con Trần Thị H1, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử nhận thấy hiện nay cháu H1 đang ở với bà T và cũng có nguyện vọng ở với mẹ nên tiếp tục giao cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con, bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét. Riêng con Trần Minh H, sinh năm 1997 đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: ông S, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên hội đồng xét xử không xét.

[2.4] Về án phí: bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1/Căn cứ vào: khoản 01 Điều 28, điểm a khoản 01 Điều 35, điểm a khoản 01 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 233, Điều 235 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, khoản 01 Điều 14, khoản 02 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT – TANDTC – VKSNDTC –BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao – Viện kiểm sát nhân dân Tối cao – Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2/ Tuyên xử : Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa bà Nguyễn Thị T và ông Trần Khương S là quan hệ vợ chồng.

- Về con chung: giao con Trần Thị H1, sinh ngày 12/9/2001 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, bà T không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con. Riêng con Trần Minh H, sinh năm 1997 đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động.

Ông S có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

3/ Án phí: bà Nguyễn Thị T nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình. Bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số 0027536 ngày 15/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Phan Thiết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, bị đơn. Quyền kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (24/5/2019).

Nơi nhận :

- VKS tp.Phan Thiết;
- Chi cục THADSTP Phan Thiết;
- UBND phường Phú Hải;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Vũ Thị Thu Hà